TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ - ST
Ngày 22-02-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa ông Nguyễn Văn V với bà Nguyễn Thị L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thúy Vân.
2. Ông Nguyễn Trịnh Điển.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang sinh sống và công tác tại: Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu - Thương mại SÁNG, địa chỉ số 149/1 khu phố Thuận Hòa B, phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 2, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

(Cả ông Vĩnh và bà Lệ đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 09/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Nhan Biều 2, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã do tính tình không hợp, bà L thường xuyên làm theo ý mình mà không trao đổi, bàn bạc với ông V. Hơn nữa, ông V sống ở quê vợ nên không được tự do, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên cuối năm 2019 thì ông V vào các tỉnh phía Nam làm ăn, sinh sống và không trở về quê hương nữa. Ông V cho rằng, hiện tại

điều kiện công tác và sinh sống hai vợ chông hai nơi nên vợ chồng không còn tình cảm gì nữa do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho ông V được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 04/11/2017, hiện cháu M đang sinh sống với bà L. Nếu ly hôn ông V đề nghị giao cháu M cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản trình bày ý kiến ngày 10/01/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn V yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 09/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Nhan Biều 2, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cả vã, bất đồng quan điểm sống nên cuối năm 2019 ông V đi vào Nam làm ăn và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau được nữa nên ông V xin ly hôn thì bà L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 04/11/2017, hiện cháu M đang sinh sống với bà L. Nếu ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình số 01/2022/TLST - HNGĐ về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn V. Ngày 10/01/2022 bà Nguyễn Thị L có bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bà L, đối với ông V tại đơn khởi kiện ông V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt ông V nên ngày 24/01/2022 Tòa án lập biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải. Đến ngày 09/02/2022, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 22/02/2022. Tại phiên tòa hôm nay, cả ông Vvà bà Lệ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 09/6/2017. Tuy nhiên, cả ông V và bà L đều thừa nhận quá trình sống chung với nhau vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống và đến cuối năm 2019 ông V vào các tỉnh phía Nam làm ăn và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại đơn khởi kiện của ông V yêu cầu được ly hôn với bà L và tại bản trình bày ý kiến của bà L cũng đồng ý ly hôn với ông V. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông V và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông V và bà L đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông V, xử cho ông V được ly hôn với bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông V và bà L có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 04/11/2017, hiện cháu M đang sinh sống với bà L. Nếu ly hôn, ông V đồng ý giao cháu M cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; bà L cũng đồng ý như ý kiến của ông V. Thấy rằng, hiện tại cháu M đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu M hiện đang sinh sống với bà L nên cần giao cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 04/11/2017 cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Minh thành niên và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về tình cảm: Xử cho ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung*:* Xử giao cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 04/11/2017 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000056 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông Nguyễn Văn V còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Phước

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND phường 2, tx Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VT.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Vân-Nguyễn Trịnh Điển

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Phước

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Hòa, huyện T.Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VT.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA